

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Dũng;
- Ông Trịnh Văn Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2024 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXX-ST ngày 01/7/2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh D, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: K đường B, tổ B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Quang N, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: K87H E H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Quang N xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình vào năm 2004, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp; ông **N** làm ăn thua lỗ, nợ nần nhưng không chịu đi làm để nuôi con mà suốt ngày ăn nhậu say xỉn về gây gổ trong gia đình và đánh đập bà nhiều lần. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Nay bà cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **N**.

Về con chung: Bà xác định có 02 con chung tên là: **Trần Thị Minh H**, sinh ngày 07/6/2005 và **Trần Đăng Q**, sinh ngày 08/4/2009. Ly hôn, bà **D** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Đăng Q** và không yêu cầu ông **N** phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung **Trần Thị Minh H** đã đủ tuổi thành niên nên không đề cập yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn ông **Trần Quang N** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.**

**\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:** Trích lục kết hôn; bản sao khai sinh của con chung; CCCD, xác nhận thông tin cư trú của nguyên đơn; lời khai của con chung; biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy của Bộ luật Tố tụng dân sự**

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà **Nguyễn Thị Minh D** được ly hôn ông **Trần Quang N**. Về con chung: Đề nghị giao con chung **Trần Đăng Q** cho bà **Nguyễn Thị Minh D** nuôi dưỡng; ông **Trần Quang N** không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con **Trần Thị Minh H** đã thành niên nên không đề cập đến. Về tài sản chung và nợ



chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về áp dụng pháp luật tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, bị đơn là ông **Trần Quang N** có địa chỉ nơi cư trú tại **quận L**. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*Về nội dung vụ án:*

[3] Bà **Nguyễn Thị Minh D** và ông **Trần Quang N** xây dựng gia đình với nhau vào 2004, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình** (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 75 ngày 19/10/2004), hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân có đủ các điều kiện do Luật Hôn nhân và Gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà **Nguyễn Thị Minh D** xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên tha thiết xin ly hôn. Ông **Trần Quang N** vắng mặt tại phiên tòa và không có nguyện vọng ý kiến trình bày gì gửi Tòa án xem xét.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị Minh D** thì thấy: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình sống chung thì giữa vợ chồng bà **D** và ông **N** đã xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp. Theo kết quả xác minh tại địa phương của Tòa án thể hiện vợ chồng bà **D** ông **N** đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Ông **N** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi, thể hiện ý chí không mong muốn hàn gắn mâu thuẫn và níu kéo cuộc hôn nhân này. Xét thấy, hôn nhân giữa bà **D** và ông **N** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin được ly hôn của bà **D** là chính đáng, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho bà **D** được ly hôn ông **N**.

[6] *Về con chung:* Bà **D** xác định bà và ông **N** có 02 con chung tên là: **Trần**

**Thị Minh H**, sinh ngày 07/6/2005 và **Trần Đăng Q**, sinh ngày 08/4/2009. Ly hôn, bà **D** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Trần Đăng Q** và không yêu cầu ông **N** phải cấp dưỡng nuôi con. Ông **N** vắng mặt và không có ý kiến nguyện vọng gì về con chung. Xét thấy, con chung **Trần Đăng Q** có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn, hiện con chung đang được bà **D** chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung **Trần Đăng Q** cho bà **D** trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Ông **N** không phải cấp dưỡng nuôi con do bà **D** không yêu cầu. Sau khi ly hôn, các đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Đối với con chung **Trần Thị Minh H** đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **D** xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng, bà **D** phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" của bà **Nguyễn Thị Minh D** đối với ông **Trần Quang N**.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà **Nguyễn Thị Minh D** ly hôn ông **Trần Quang N**.

2. Về con chung: Giao con chung tên là **Trần Đăng Q**, sinh ngày 08/4/2009 cho bà **Nguyễn Thị Minh D** trực tiếp nuôi dưỡng. Ông **Trần Quang N** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Khi vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

**4.** Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà **Nguyễn Thị Minh D** phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000521 ngày 01/3/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà **Nguyễn Thị Minh D** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**5.** Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND p. Bích Đào, tp. Ninh Bình, t. Ninh Bình  
(Số ĐKKH: 75 ngày 19/10/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Anh Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

